

# **BÀN VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở ĐỊA PHƯƠNG**

**Ths. Nguyễn Tiên Đức**

Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia

Tổng hợp về tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan thông tin KH&CN địa phương trên các khía cạnh: tổ chức và cán bộ; tiềm lực thông tin số hóa; các hình thức phục vụ thông tin. Đưa ra 7 nhận xét và đề xuất 6 hướng giải pháp đối với các cơ quan thông tin địa phương nhằm tăng cường tiềm lực trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan thông tin KH&CN địa phương theo tinh thần Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 5/9/2005.

## **Mở đầu**

Trong Hệ thống thông tin KH&CN ở nước ta, các tổ chức thông tin KH&CN địa phương (sau đây gọi là cơ quan thông tin địa phương) có một vị trí đặc biệt bởi lẽ, các cơ quan này nằm trải khắp các địa bàn trong cả nước. Địa phương là nơi có nhiều khó khăn, là nơi thiếu thông tin nhất. Người dùng tin ở địa phương có nhiều đặc điểm với yêu cầu tin rất đa dạng. Địa phương cũng chính là nơi hình thành nhiều nguồn tin KH&CN nội sinh, phản ánh sát thực cuộc sống ở cơ sở cũng như kết quả ứng dụng tiến bộ KH&CN về hầu hết các lĩnh vực. Từ địa phương, chúng ta có thể thu thập tài liệu và tổ chức dòng tin từ dưới lên. Do đó, địa phương chính là nơi rất cần được tăng cường công tác thông tin KH&CN một cách toàn diện, bài bản.

Do vị trí quan trọng đó, trong tất cả các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của Nhà nước ta về hoạt động thông tin KH&CN đều chú trọng tới địa bàn này. Tại mục 3, Nghị quyết 89/CP (4/5/1972) “về việc tăng cường công tác thông tin KH&KT” của Chính phủ đã nhấn mạnh

biện pháp “tận dụng các nguồn tin trong nước”. Trong Thông tư số 755/TT (29/7/1974) của Ủy ban KH&KT Nhà nước (nay là Bộ KH&CN) hướng dẫn Nghị quyết 89/CP có riêng điểm d) Tổ chức thông tin KH&KT ở các địa phương quy định cụ thể các nhiệm vụ của cơ quan thông tin địa phương (từ thu thập tài liệu tới tra cứu, phổ biến, phục vụ thông tin ...). Trong Quyết định số 133/QĐ (2/4/1985) của Ủy ban KH&KT Nhà nước kèm theo là Quy định thống nhất về tổ chức và hoạt động thông tin KH&KT, ngoài những điều khoản về hoạt động thông tin KH&KT nói chung đối với tất cả các loại hình cơ quan thông tin, còn có riêng Điều 9 quy định 6 nhiệm vụ chính của cơ quan thông tin địa phương.

- Chỉ thị 95/CT (4/4/1991) của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã chỉ ra 7 hướng giải pháp thúc đẩy công tác thông tin KH&CN và tại mục 5 có nêu “các địa phương cần tổ chức khai thác có hiệu quả tiềm lực thông tin KH&CN hiện có, đồng thời có kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang bị thêm thiết bị hiện đại và ứng dụng công

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

nghệ thông tin hiện đại...”.

- Nghị định số 159/2004/NĐ-CP (31/8/2004) của Chính phủ - Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ (năm 2000) về hoạt động thông tin KH&CN có một số điều đề cập cụ thể đến vấn đề tổ chức cơ quan thông tin, nội dung hoạt động thông tin KH&CN, đặc biệt là việc quản lý nguồn tin, ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu KH&CN tiên tiến khác nhằm hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan thông tin KH&CN nói chung và ở địa phương nói riêng (Điều 3, 15,16,17); về vai trò, chức năng quản lý hoạt động thông tin KH&CN trong phạm vi địa phương của Ủy ban nhân dân các cấp được quy định tại Điều 31.

- Đối với công tác tổ chức cơ quan thông tin KH&CN ở địa phương, Thông tư liên tịch số 15/2003/TTLT-BKH&CN-BNV ngày 15/7/2003 của Bộ KH&CN - Bộ Nội vụ là một mốc quan trọng. Trong Thông tư này quy định tại các Sở KH&CN các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN. Để hướng dẫn Thông tư này, ngày 7/4/2004, Bộ KH&CN đã có CV số 760/BKH&CN-TCCB và kèm theo là Điều lệ mẫu của Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN. Trên cơ sở đó, trong mấy năm qua một loạt các Trung tâm thông tin địa phương đã ra đời.

### **I. Tình hình tổ chức và hoạt động thông tin KH&CN ở địa phương**

1. Về công tác tổ chức, cán bộ, kinh phí

Về công tác tổ chức:

Tính đến tháng 9/2007 trong số 64 tỉnh/TP trực thuộc Trung ương đã có:

- 35 Trung tâm Thông tin KH&CN (chiếm 54,6%). Các Trung tâm này dưới một số tên

gọi:

+ Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN (16/35). Đây là kết quả mấy năm thực hiện Thông tư liên bộ số 15/2003/TTLT-BKH&CN-BNV (15/7/2003), trong đó quy định tại các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW thành lập Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN. Cũng thực hiện Thông tư này, nhưng tại một số tỉnh cơ quan thông tin địa phương lại có tên đảo lại là Trung tâm Thông tin KH&CN và Tin học (3/35).

+ Số Trung tâm còn lại (16/35) mang tên khác do lịch sử và đặc thù tạo nên. Chẳng hạn như: Trung tâm Thông tin và ứng dụng Tiến bộ KH&CN; Trung tâm Thông tin KH&CN; Trung tâm Thông tin-Tư liệu; Trung tâm Công nghệ thông tin; Trung tâm Thông tin Công nghệ; Trung tâm Công nghệ thông tin và Tư liệu.

- 26 Phòng Thông tin (chiếm 40,6%) với các tên gọi khác nhau. Tên phổ biến nhất là Phòng Thông tin và Sở hữu trí tuệ. Ngoài ra còn có các tên khác như: Phòng Thông tin KH&CN; Phòng Thông tin tư liệu; Phòng Thông tin và Sở hữu công nghiệp; Phòng Tin học và Thông tin KH&CN; tại một vài địa phương cơ quan thông tin còn được ghép từ 3 mảng công việc và có tên: Phòng Thông tin, Sở hữu trí tuệ và An toàn bức xạ.

- 3 Sở KH&CN chưa có Đơn vị Thông tin KH&CN độc lập (chiếm 4,6%), đó là Lào Cai, Tây Ninh, Sóc Trăng. Tại các Sở này, nhiệm vụ thông tin KH&CN nằm trong Phòng Quản lý KH&CN.

Về cán bộ:

Đến nay, tổng số cán bộ thông tin KH&CN ở địa phương là 423. Như vậy, trung bình mỗi cơ quan thông tin địa phương chỉ có 6,6 cán bộ và nếu chỉ tính

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

riêng 35 nơi đã là Trung tâm Thông tin thì trung bình là 9 cán bộ/trung tâm.

Tuy nhiên, sự phân bổ cán bộ không đồng đều ở các cơ quan (điều này có thể một phần do vị trí của từng tỉnh/TP trong nền kinh tế quốc dân cũng như sự phát triển của

hoạt động KH&CN nói chung và của công tác thông tin KH&CN nói riêng). Chỉ có 11 cơ quan thông tin địa phương có số lượng cán bộ trên 10 người. Phổ biến là những cơ quan thông tin địa phương có 3 - 5 cán bộ. Hãn hữu có nơi chỉ 1- 2 cán bộ.

Bảng 1. Thống kê loại hình tổ chức các cơ quan thông tin KH&CN địa phương

TT	Loại hình tổ chức	Cơ quan		Cán bộ		Ghi chú
		Tổng số	%	Tổng số	TB/cơ quan	
1	Trung tâm TT	35	54,6	317	9	
2	Phòng TT	26	40,6	99	3,8	
3	Chưa có TC độc lập	3	4,6	7	2,3	Nằm trong Phòng Quản lý KH của Sở KH&CN
4	<b>Tổng số</b>	<b>64 tỉnh/TP</b>	<b>100</b>	<b>423</b>	<b>6,6</b>	

Bảng 2. Thống kê về tổ chức các Trung tâm thông tin địa phương (theo tên)

STT	Loại tên cơ quan thông tin	Số lượng	Ghi chú (các địa phương)
1	Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN	16	An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Giang, Cao Bằng, Đồng Nai, Hà Nội, Hà Tây, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Lai Châu, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Vĩnh Long.
2	Trung tâm Thông tin KH&CN và Tin học	3	Hải Dương, Nghệ An, Vĩnh Phúc
3	Trung tâm Thông tin và ứng dụng tiến bộ KH&CN	6	Bắc Ninh, Bình Thuận, Đắk Nông, Hà Giang, Hậu Giang, Ninh Thuận.
4	Trung tâm Thông tin KH&CN	4	TP Hồ Chí Minh, TP Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Bạc Liêu (9/2007)
5	Trung tâm Thông tin - Tư liệu KH&CN	3	TP Hải Phòng, TP Cần Thơ, Đắk Lắk
6	Trung tâm Công nghệ thông tin và Tư liệu/ Trung tâm CNTT/Trung tâm Thông tin công nghệ	3	Quảng Nam, Nam Định, Thái Nguyên.
	Tổng số	35	

## Nghiên cứu - Trao đổi

Về kinh phí:

Tổng hợp thông tin đầy đủ về kinh phí được cấp hàng năm đối với các cơ quan thông tin địa phương là vấn đề khó khăn. Bởi lẽ, hầu hết các cơ quan không nêu hoặc nêu không đầy đủ. Những nơi có số liệu cũng chỉ bao hàm kinh phí được cấp để duy trì các hoạt động thường xuyên, tập trung chủ yếu vào xuất bản ấn phẩm và hoạt động tuyên truyền (hầu như không tính phần chi cho hoạt động của bộ máy và việc thực hiện các nhiệm vụ/đề án đột xuất cũng như kinh phí từ các nguồn khác...). Tuy nhiên, qua số liệu có được của nhiều cơ quan, chúng tôi thấy rằng kinh phí hàng năm cho các cơ quan thông tin địa phương là rất eo hẹp. Chỉ một vài cơ quan thông tin địa phương được đầu tư bằng con số tỷ/năm (Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng), ví dụ : Tp. Hồ Chí Minh là 2,7 tỷ/năm 2005. Số còn lại nhiều nhất cũng chỉ 800 -1000 triệu/năm, còn đại đa số trung bình là 400-500 triệu/năm. Thậm chí một vài cơ quan thông tin địa phương chỉ có 100 -200 triệu/năm, ví dụ Đak Nông (năm 2005 là 100 triệu) hay Kon Tum (năm 2006-150 triệu), ...

Ngoài ra, qua khảo sát cho thấy: đến nay hầu hết các cơ quan thông tin địa phương chưa biết cách (qua xây dựng đề án) tận dụng nguồn kinh phí đầu tư phát triển KH&CN để xây dựng tiềm lực cho mình (nguồn kinh phí này từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

### 2. Về tiềm lực thông tin số hóa

Trong hoạt động thông tin KH&CN các CSDL là sản phẩm nòng cốt, nền tảng. Bởi vì, nhờ chúng ta có thể phục vụ thông tin cho nhiều đối tượng, với các yêu cầu khác nhau, phục vụ nhiều lần và dưới nhiều hình thức. Từ CSDL ta có thể xuất dữ liệu ra để tổ chức ấn phẩm, bản tin dưới nhiều dạng. CSDL cũng chính là sản phẩm tiện lợi nhất trong trao đổi, chuyển giao, và nhất là để phục vụ thông tin một cách rộng rãi (mọi

nơi, mọi lúc) thông qua hình thức on-line. Do vậy, ở đây chúng tôi chỉ đầu tư khảo sát về tiềm lực thông tin số hóa của các cơ quan thông tin địa phương, chủ yếu là các CSDL và thông tin số hóa trên Web (mà không đề cập đến tiềm lực thông tin tư liệu trên giấy và microphich, ...).

#### a. Các CSDL nội sinh

Khái niệm CSDL nội sinh ở đây được hiểu: Thứ nhất, là CSDL tiếng Việt, do cơ quan thông tin địa phương tự xây dựng hoặc được hỗ trợ xây dựng và tự quản trị, phát triển; Thứ hai, trong CSDL phần lớn biểu ghi phản ánh tài liệu có trong kho thư viện của cơ quan thông tin (tài liệu KH&CN của địa phương và về địa phương). Với cách định nghĩa như vậy, qua khảo sát cho thấy:

- Số cơ quan có từ 4 CSDL trở lên: 8 cơ quan, chiếm 11%,

- Số cơ quan có 2 - 3 CSDL: 35 cơ quan, chiếm 54,6%;

- Số cơ quan có 1 CSDL: 13 cơ quan, chiếm 20,3%;

- Số cơ quan chưa có CSDL: 8 cơ quan, chiếm 15%

Như vậy, số cơ quan thông tin địa phương có 2- 3 CSDL nội sinh là phổ biến. Cũng qua khảo sát cho thấy tại các cơ quan thông tin địa phương hiện có:

- Loại thứ nhất. Những CSDL phổ biến, tương đồng nhất, đó là:

+ CSDL tư liệu (dưới các tên gọi khác nhau, ví dụ: “KH&CN”, “SACH”, “QLKH&CN”,...). Đây là CSDL thư mục và tóm tắt, phản ánh kho tài liệu của cơ quan. Trên 60% cơ quan thông tin địa phương có CSDL này;

+ CSDL về kết quả nghiên cứu (KQNC) - chủ yếu là CSDL thư mục, tóm tắt; gần đây, một số tỉnh có CSDL “KQNC” dưới dạng toàn văn nhưng không đầy đủ;

+ CSDL về công nghệ nông thôn

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

(CNNT). Đây là CSDL toàn văn về cây trồng, vật nuôi, mô hình làm ăn kinh tế, các kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Một số cơ quan thông tin địa phương có được CSDL này là nhờ kết quả của việc nhân rộng mô hình “Cung cấp thông tin phục vụ phát triển KT-XH nông thôn, miền núi” do Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia khởi xướng và chủ trì triển khai.

- Loại thứ 2. Những CSDL ít phổ biến hơn (chỉ có ở một số tỉnh), chẳng hạn như: CSDL Patent; Tiêu chuẩn, GIS, Cán bộ KH&CN, Chuyên gia tư vấn...

- Loại thứ 3. Những CSDL đặc thù của từng tỉnh, Ví dụ: CSDL chuyên ngành Điện tử viễn thông của Lạng Sơn; CSDL về Rau, hoa của Lâm Đồng,...

### b. Các CSDL của nước ngoài

Tại các cơ quan thông tin địa phương chỉ có khoảng 20 loại CSDL của nước ngoài. Số lượng như vậy là rất khiêm tốn, do hầu hết các cơ quan thông tin địa phương không có điều kiện để mua trực tiếp loại CSDL này. Chỉ riêng Trung tâm Thông tin Tp. Hồ Chí Minh là nơi có số lượng CSDL nước ngoài đáng kể, còn lại hầu hết các cơ quan thông tin địa phương không có dạng CSDL này (nếu có cũng chỉ 1 -2 CSDL, nói đúng ra là một phần CSDL). Cũng giống như các CSDL nội sinh, hầu hết các CSDL nước ngoài này chưa được đưa lên mạng để khai thác trực tuyến mà chỉ có thể khai thác theo chế độ off- line tại chỗ.

### c. Website về KH&CN

Về số lượng: chỉ có 15% số cơ quan thông tin địa phương có Website riêng. Số cơ quan còn lại chưa đưa thông tin lên Web hoặc sử dụng Website của tỉnh hay của Sở KH&CN tỉnh nhà. Về chất lượng: nhìn chung nội dung các Website còn nghèo, mang tính chất giới thiệu, đưa tin là chính; các tiềm lực thông tin số hóa (CSDL, bản tin điện tử) trên các Website địa phương còn rất

ít và việc khai thác các CSDL còn nhiều bất cập. Tuy nhiên, tại một số tỉnh, cơ quan thông tin được giao vai trò đầu mối tổ chức xây dựng và có khi kiêm cả quản trị Website của tỉnh, của Sở KH&CN. Đó cũng là một thuận lợi lớn trong việc tích lũy kinh nghiệm, đào tạo cán bộ, quảng bá các hoạt động, sản phẩm của cơ quan thông tin địa phương.

Một vài nhận xét:

- Hầu hết các CSDL đều ở mức độ nhỏ, nội dung các CSDL còn nghèo, nhất là các CSDL nội sinh: ít về số lượng biểu ghi (phổ biến là vài trăm), hạn chế về chất lượng xử lý, ít tài liệu mới (chậm cập nhật);

- Có tới 40% CSDL hoạt động chưa ổn định;

- 85% các CSDL chưa được đưa vào khai thác theo chế độ trực tuyến/on-line.

- Số Website về KH&CN của các địa phương còn ít, nội dung còn nghèo

### 3. Tình hình phục vụ thông tin KH&CN

#### a. Phục vụ thông tin bằng ấn phẩm

Tính trung bình, hiện nay mỗi cơ quan thông tin địa phương có 3 ấn phẩm. Các ấn phẩm thông tin phổ biến là:

- Thông tin KH&CN (nhiều nơi gọi là Tập san). Đây là ấn phẩm chính, ra đều đặn của các cơ quan thông tin địa phương. Định kỳ xuất bản thường là hàng quý, hai tháng hoặc hàng tháng. Hình thức thông tin chủ yếu trong ấn phẩm này là các bài viết ngắn, các bài tóm tắt chọn lọc, tin ngắn; hướng dẫn kỹ thuật;

- Bản tin chọn lọc - thường là ấn phẩm định kỳ (hàng tuần, hàng tháng, 2 số/tháng). Tuy nhiên, cũng có địa phương xuất bản không định kỳ. Ấn phẩm này được in khổ nhỏ, số lượng hạn chế (thường là vài trăm, có khi vài chục bản); chủ yếu phục vụ cho lãnh đạo các ban/ngành của tỉnh, cũng có nơi đưa xuống đến tuyến huyện;

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

- Thông tin Chuyên đề/tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thường là ấn phẩm không định kỳ, mỗi lần xuất bản chuyên về một vấn đề, một đối tượng, ví dụ cây trồng, vật nuôi, mô hình kinh tế cần được hướng dẫn, nhân rộng, ...

Ngoài những ấn phẩm nêu trên, hầu hết các cơ quan thông tin địa phương đều phát hành các Tờ rơi, Bướm tin; Nông Lịch; Tài liệu biên dịch, tóm lược.

Qua khảo sát hoạt động thông tin KH&CN của các địa phương cho thấy: hình thức thông tin bằng ấn phẩm được duy trì khá tốt và vẫn phát huy được tác dụng, được đông đảo người dùng đánh giá là thiết thực, nhiều người đã quen dùng (không thể thiếu). Tuy nhiên, hiện tại hầu hết các ấn phẩm thông tin địa phương vẫn phải bao cấp (gửi biếu nhiều, thu không đủ chi). Đồng thời hình thức này vẫn có những nhược điểm dẫn tới hạn chế hiệu quả phục vụ. Những nhược điểm đó là:

- Định kỳ thưa (đưa tin chậm), số lượng tin hạn chế;

- Thông tin được xử lý, tổng hợp ở mức độ cao chưa nhiều. Trong hầu hết ấn phẩm mức độ xử lý tin chưa sâu, chưa có nhiều thông tin mang tính tư vấn, đề xuất, phản biện, ít số liệu thống kê phân tích.

Cũng phải nói thêm rằng, hiện tại một số cơ quan thông tin địa phương đã xuất bản bản tin điện tử hoặc đưa tin dưới cả hai hình thức. Tuy nhiên số lượng các cơ quan thông tin địa phương có bản tin điện tử còn ít: chỉ chiếm khoảng 15%.

### b. Tuyên truyền KH&CN:

Tuy mức độ có khác nhau, nhưng tất cả các cơ quan thông tin địa phương đều kết hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình, các báo địa phương và Trung ương để tiến hành tuyên truyền KH&CN, làm cầu nối đưa tiến bộ KH&CN vào đời sống với những công việc cụ thể là:

- Xây dựng các phim video về KH&CN

(về kết quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, giới thiệu những mô hình làm ăn giỏi ở địa phương..);

- Tìm, sao, nhân bản để phát các phim KH&CN trên Đài Phát thanh và Truyền hình địa phương cũng như phục vụ các đối tượng có yêu cầu cụ thể;

- Xây dựng các trang, mục KH&CN ổn định trên báo, đài địa phương;

- Kết hợp chặt chẽ với các tổ chức Khuyến Nông, Khuyến Lâm, Khuyến Ngư của tỉnh để tuyên truyền và đưa tiến bộ kỹ thuật vào cuộc sống trên địa bàn tỉnh.

Theo tổng kết của các cơ quan thông tin địa phương, hình thức này luôn được đánh giá là phù hợp, hữu hiệu và cần được đẩy mạnh trong thời gian tới.

### c. Phục vụ thông tin tra cứu

- Khai thác cục bộ (tức là tra cứu, phục vụ thông tin tại chỗ bằng các CSDL local và Kho tư liệu của bản thân). Hầu hết các cơ quan thông tin địa phương (85%) tiến hành hình thức này. Tuy nhiên, do tiềm lực thông tin của các cơ quan thông tin địa phương còn nhỏ bé, chất lượng các CSDL hạn chế nên nhiều khi không đáp ứng được nhu cầu tin của người dùng: thông tin đưa ra hoặc không đầy đủ, hoặc cũ, ... Theo các cơ quan thông tin địa phương tự đánh giá: mức độ đáp ứng yêu cầu tin chỉ đạt khoảng 30- 40%.

- Tra cứu thông tin trực tuyến: Để phục vụ thông tin, nhiều cơ quan thông tin địa phương đã chủ động kết hợp khai thác thông tin cục bộ với khai thác trực tuyến. Cụ thể là:

+ Khai thác mạng VISTA: 90% các cơ quan thông tin địa phương thường xuyên khai thác mạng VISTA và cho rằng đây là nguồn thông tin KH&CN quan trọng đối với họ. Những cơ quan thông tin địa phương khai thác VISTA đều đánh giá là tốt, từ VISTA họ thường tìm được những thông tin KH&CN hữu ích, thiết thực. Tuy nhiên,

## ***Nghiên cứu - Trao đổi***

cũng còn có cơ quan đề nghị tăng cường cung cấp thông tin mới, tăng khía cạnh thân thiện, thuận tiện trong khai thác...

+ Khai thác các mạng khác qua INTERNET: Tất cả những nơi có thể truy cập INTERNET đều tiến hành khai thác các Websites phổ cập, nổi bật là các trang WEB: Vnn.vn, Vinanet.vn, Vnexpress.vn. Most.gov.vn; Các trang Web về nông nghiệp: Agroviet.net; vietlinh.com, khuyennong.vn.gov.vn; các Trang báo điện tử Lao động, Nhân dân...; Các máy tìm tin/Search engine như Google, Yahoo, Vinaseek, Mạng cesti.gov.vn của Trung tâm Thông tin KHCN Tp. Hồ Chí Minh, ...

d. Phối hợp tổ chức hoặc tham gia các Chợ Công nghệ và Thiết bị, triển lãm, hội nghị, hội thảo

Hầu hết các cơ quan thông tin địa phương đều tích cực tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị Quốc gia (2003, 2005, 2007), Chợ Công nghệ và Thiết bị khu vực (Hà Nội - Hải Phòng; Nghệ An ...) hoặc tổ chức Chợ trong phạm vi tỉnh như Dak Lak (tại Tp. Buôn Mê Thuột), Gia Lai (Tp. Pleiku), Hòa Bình (Tp. Hòa Bình), An Giang (Tp. Long Xuyên), Khánh Hòa (Tp. Nha Trang), ...

Ngoài ra, triển lãm, hội nghị, hội thảo cũng là hình thức được các cơ quan thông tin địa phương chú trọng tham gia và trong nhiều trường hợp, cơ quan thông tin được Sở KH&CN tỉnh giao cho chủ trì tổ chức.

Tác dụng của những hình thức này, trước hết để tư liệu hóa và tập hợp được nguồn tin khoa học nội sinh, nhất là các công nghệ, thứ hai là tăng cường môi trường tiếp xúc giữa các nhà khoa học, các chuyên gia (là dịp hội tụ giới thiệu sản phẩm KH&CN, kết nối cung - cầu, liên kết giữa các đối tác ...) nhằm mục tiêu phát triển thị trường công nghệ.

## **II. Một số nhận xét và ý kiến trao đổi**

Qua khảo sát, phân tích, tổng hợp tình hình hoạt động của các cơ quan thông tin địa phương thời gian qua có thể đi đến một số nhận xét dưới đây:

1. Tiềm lực thông tin KH&CN ở mỗi tỉnh, nhất là tiềm lực thông tin số hóa, còn rất nhỏ bé; Nguồn tin KH&CN của tỉnh còn tản mạn, chưa tập trung; cơ quan thông tin địa phương chưa thu thập được những tài liệu có giá trị và đặc thù của địa phương mình (ví dụ các kết quả nghiên cứu, tài liệu điều tra cơ bản, tài liệu quy hoạch) và như vậy chưa huy động được hết các tiềm năng thông tin nội sinh. Hầu hết các cơ quan thông tin địa phương chưa có các CSDL nội sinh lớn, bao quát nhiều tài liệu KH&CN có giá trị của tỉnh và về tỉnh.

2. Đa số các cơ quan thông tin địa phương chưa có khả năng đưa các CSDL lên mạng để có thể phục vụ trực tuyến (trừ một số nơi như Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Hải Phòng, Thái Nguyên, Đồng Nai...). Hiện tại, các cơ quan thông tin địa phương vẫn chủ yếu khai thác các CSDL nhỏ bé tại chỗ của mình là chính. Qua đây cho thấy việc liên kết, chia sẻ nguồn lực thông tin giữa cơ quan thông tin địa phương với các cơ quan thông tin TW, ngành và địa phương khác còn yếu. Việc khai thác các CSDL tiếng Việt qua mạng còn ở mức độ rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của người dùng tin. Điều này một phần cũng do các CSDL nội sinh về KH&CN của Việt Nam có thể khai thác trên INTERNET còn ít. Trong khai thác trực tuyến, các cơ quan thông tin địa phương vẫn chủ yếu khai thác các Trang Web tự do, các báo điện tử để nắm bắt tin tức thời sự là chủ yếu.

3. Đội ngũ cán bộ thông tin KH&CN và cộng tác viên ở hầu hết các địa phương còn mỏng, hay biến động, chưa thực sự gắn bó với nghề nghiệp.

4. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

quan thông tin địa phương nhìn chung còn yếu, dần trải chưa đáp ứng yêu cầu cơ bản (về mặt trụ sở, diện tích làm việc, trang thiết bị, Mạng INTRANET, đường truyền,...).

5. Kinh phí dành cho hoạt động thông tin KH&CN tại các tỉnh còn rất hạn hẹp. Hầu hết các cơ quan thông tin địa phương chưa biết tận dụng nguồn kinh phí đầu tư phát triển KH&CN để xây dựng tiềm lực thông tin và hạ tầng cơ sở.

6. Có tới 45,3% cơ quan thông tin chưa thực sự ổn định về mặt tổ chức (chưa tổ chức được thành Trung tâm; thậm chí tại 3 tỉnh còn chưa có tổ chức thông tin KH&CN độc lập). Một số tỉnh, mặc dù đã có Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN nhưng các trung tâm này mới hoạt động cầm chừng và còn nhiều vấn đề bất cập,....

7. Chất lượng thông tin đưa ra phục vụ chưa cao (do hạn chế về nguồn, về lực lượng xử lý tin). Các cơ quan thông tin địa phương chưa có nhiều các sản phẩm thông tin có hàm lượng chất xám cao, ví dụ như: thông tin phân tích, tư vấn, thông tin dự báo, thống kê, thông tin thẩm định công nghệ, ...

Nhìn tổng thể, hiệu quả phục vụ thông tin của các cơ quan thông tin địa phương chưa cao: hầu hết chỉ đáp ứng được 30 - 40% yêu cầu tin.

Ngoài ra, có thể nói việc quán triệt cũng như triển khai các văn bản QPPL của Nhà nước về công tác thông tin KH&CN ở các tỉnh còn chậm, các biện pháp chưa được đảm bảo tốt, nhiều vấn đề chưa được cụ thể hóa và chưa đồng bộ (trước hết là về công tác tổ chức và đầu tư tiềm lực ban đầu). Tình trạng chung là ở các địa phương là ít có văn bản của tỉnh hướng dẫn cụ thể về hoạt động thông tin KH&CN.

### **III. Kết luận và kiến nghị**

Thực hiện chuyển đổi theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP (5/9/2005) của Chính phủ là nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất

lao động, đời sống của cán bộ cũng như nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan KH&CN, trong đó có cơ quan thông tin địa phương. Đây chính là thời cơ nhưng đồng thời cũng là thách thức lớn. Để chuyển đổi được theo Nghị định 115 này, mỗi cơ quan thông tin địa phương cần: nhanh chóng ổn định tổ chức; xây dựng cho mình tiềm lực thông tin, tiềm lực cán bộ, tiềm lực kỹ thuật “đủ ngưỡng”; có kế hoạch tiếp cận cơ chế thị trường, dần quán triệt phương châm lấy sản phẩm và người dùng tin làm trọng tâm cho mọi hoạt động.

Dưới đây xin đề xuất một số hướng giải pháp:

1. Về tổ chức: Cần phải nhanh chóng ổn định, đặc biệt chú trọng việc lựa chọn mô hình tổ chức và hoạt động sao cho thích hợp. Đa số các cơ quan thông tin địa phương có thể tiếp tục hoạt động, phát triển theo mô hình Trung tâm Tin học và Thông tin KH&N (theo tinh thần Thông tư LT số 15/2003/TTLT-BKH&CN-BNV). Tuy nhiên, theo chúng tôi, ở một số tỉnh do điều kiện đặc thù hay có những khó khăn nhất định, có thể kết hợp hai mảng thông tin KH&CN và ứng dụng KH&CN để thành lập một Trung tâm (có tên là Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KH&CN). Như vậy Trung tâm này sẽ có những thuận lợi hơn trong lộ trình chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Về xây dựng tiềm lực thông tin, mỗi cơ quan thông tin địa phương đều cần:

- Thu thập đầy đủ, số hóa và đưa vào các CSDL những tài liệu có giá trị lâu dài của địa phương cũng như tài liệu về địa phương;

- Ưu tiên xây dựng/hoặc tích hợp các CSDL tương đồng đã có thành các CSDL lớn, có diện bao quát phù hợp, phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước hết, ở mỗi địa phương đều cần tập trung xây dựng 3 CSDL toàn văn chủ chốt: KTNN (Kỹ thuật nông nghiệp); KQNC (Kết

## Nghiên cứu - Trao đổi

quả nghiên cứu) và KTXH (Kinh tế - xã hội). Ngoài ra, địa phương nào có điều kiện thì có thể xây dựng các CSDL toàn văn khác, chẳng hạn như DTCTB (Điều tra cơ bản) và VHDL (Văn hóa Du lịch),...

- Trao đổi, tích hợp hoặc mua những CSDL có giá trị, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu tin của địa phương.

3. Hiện đại hóa hạ tầng cơ sở kỹ thuật: Xây dựng mạng INTRANET/Cổng thông tin tiên tiến, có khả năng đưa lên web các CSDL của cơ quan và tích hợp được cả các CSDL khác có được nhằm phục vụ rộng rãi, tiện lợi cho người dùng tin.

4. Về liên kết, hợp tác: Tăng cường liên kết, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ tiềm lực thông tin với các cơ quan thông tin trung ương, bộ/ngành và các địa phương khác; tận dụng khai thác thông tin dưới nhiều hình thức, đặc biệt là khai thác trực tuyến.

5. Đội ngũ cán bộ thông tin: xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, tâm huyết với nghề nghiệp. Muốn vậy cơ quan thông tin địa phương phải có kế hoạch bồi dưỡng, có chế độ khuyến khích thích hợp, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho họ.

6. Về sản phẩm, dịch vụ: Có sản phẩm, dịch vụ chất lượng. Cụ thể là xác định và tạo lập những sản phẩm, dịch vụ cốt yếu (thế

mạnh của mình) để đưa ra phục vụ với phương châm “năng suất, chất lượng, hiệu quả”, lấy người dùng tin/khách hàng làm trọng tâm cho mọi hoạt động.

Một điều cần nhấn mạnh lại là: trong xây dựng tiềm lực cho mình (cả hạ tầng cơ sở kỹ thuật lẫn thông tin), các cơ quan thông tin địa phương cố gắng tiếp cận (cụ thể là thông qua các đề án, dự án ...) để sử dụng được nguồn kinh phí đầu tư phát triển KH&CN (từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Qua thực tế cho thấy, đến nay hầu hết các cơ quan thông tin địa phương chưa được đầu tư, hoặc được đầu tư không đáng kể từ nguồn kinh phí này.

Tóm lại: để triển khai những nội dung nêu trên, trong lộ trình chuyển đổi từ nay đến 2009 và những năm tiếp theo, một mặt, mỗi cơ quan thông tin địa phương đều phải nỗ lực phấn đấu; mặt khác, đề nghị Nhà nước và Ủy ban Nhân dân các tỉnh tăng cường đầu tư cho hoạt động thông tin KH&CN ở địa phương bằng cả 2 nguồn: 1) Kinh phí sự nghiệp KH&CN và 2) Kinh phí đầu tư phát triển KH&CN (qua dự án, đầu tư theo chiều sâu). Ngoài ra, việc chỉ đạo về cơ chế hoạt động, kế hoạch triển khai cũng như hướng dẫn nghiệp vụ thông tin, tổ chức chia sẻ tiềm lực thông tin KH&CN đối với các cơ quan thông tin địa phương cũng đều cần phải được tăng cường một cách đồng bộ trong phạm vi toàn quốc.

### Tài liệu tham khảo

1. Luật Khoa học và Công nghệ.-H, 2000.
2. Nghị định số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN.
3. Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ.
4. Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN tỉnh/TP trực thuộc Trung ương (Ban hành kèm theo CV số 760/BKH&CN-TCCB ngày 7/4/2004 của Bộ Khoa học và Công nghệ).
5. Thông tư liên tịch số 15/2003/TTLT - BKH&CN-

BNV ngày 15/7/2003 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý về khoa học và công nghệ địa phương.

6. Tập văn bản pháp quy về công tác thông tin và tư liệu.-Hà Nội, 1977.

7. "Nghiên cứu xây dựng mô hình Thư viện điện tử về KH&CN tại cơ quan thông tin KH&CN địa phương" (Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, 2007, Nguyễn Tiến Đức, Nguyễn Thắng...)

8. Một số Báo cáo hoạt động thông tin KH&CN của một số Sở KH&CN tỉnh/TP trực thuộc Trung ương.